TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 15/2018/HNGĐ- ST
Ngày 29/01/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh Đ với chị N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;
2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 408/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh Đ với chị N" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2017/QĐXX- ST ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyễn đơn: Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Sầm Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2017 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nông Văn Đ trình bày: Năm 2015, anh kết hôn với chị Sầm Thị N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu. Sau đám cưới chị N về nhà anh làm dâu ngay. Anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017, sau khi chị N sinh con thì nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống. Anh và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ đầu năm 2017. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Nông Hưng P, sinh ngày 28/11/2015, cháu đang ở với chị N, cháu vẫn P triển bình thường. Ly hôn, anh đồng ý để chị N tiếp tục được nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nông Văn Đ vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Sầm Thị N trình bày: Năm 2015, chị kết hôn với anh Nông Văn Đ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Chị và anh Đ sống ly thân, châm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, không còn yêu thương, tin tưởng nhau, nên nay anh Đ xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con là Nông Hưng P, sinh ngày 28/11/2015, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát P biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Đ được ly hôn chị N. Về con chung, giao cho chị Sầm Thị N tiếp tục nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị Sầm Thị N vắng mặt, anh Nông Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn Đ kết hôn với chị Sầm Thị N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam ngày 29/6/2015, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh Đ và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng nhau. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên cần chấp nhận cho anh Đ ly hôn chị N.

[3]. Về con chung: Anh Nông Văn Đ, chị Sầm Thị N có con chung là Nông Hưng P, sinh ngày 28/11/2015, hiện đang ở với chị N, vẫn P triển bình thường. Ly hôn, anh Đ, chị N thỏa thuận để chị N tiếp tục nuôi con. Thỏa thuận của anh Đat với chị N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn Đ được ly hôn với chị Sầm Thị N.

2. Về con chung: Giao cho chị Sầm Thị N nuôi con là Nông Hưng P, sinh ngày 28/11/2015. Anh Nông Văn Đ có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002723 ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tống Đ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân xã P;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 15/2018/HNGĐ- ST
Ngày 29/01/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh Đ với chị N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;
2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 408/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh Đ với chị N" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2017/QĐXX- ST ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyễn đơn: Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Sầm Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2017 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nông Văn Đ trình bày: Năm 2015, anh kết hôn với chị Sầm Thị N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu. Sau đám cưới chị N về nhà anh làm dâu ngay. Anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017, sau khi chị N sinh con thì nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống. Anh và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ đầu năm 2017. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Nông Hưng P, sinh ngày 28/11/2015, cháu đang ở với chị N, cháu vẫn P triển bình thường. Ly hôn, anh đồng ý để chị N tiếp tục được nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nông Văn Đ vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Sầm Thị N trình bày: Năm 2015, chị kết hôn với anh Nông Văn Đ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Chị và anh Đ sống ly thân, châm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, không còn yêu thương, tin tưởng nhau, nên nay anh Đ xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con là Nông Hưng P, sinh ngày 28/11/2015, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát P biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Đ được ly hôn chị N. Về con chung, giao cho chị Sầm Thị N tiếp tục nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị Sầm Thị N vắng mặt, anh Nông Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn Đ kết hôn với chị Sầm Thị N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam ngày 29/6/2015, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh Đ và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng nhau. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên cần chấp nhận cho anh Đ ly hôn chị N.

[3]. Về con chung: Anh Nông Văn Đ, chị Sầm Thị N có con chung là Nông Hưng P, sinh ngày 28/11/2015, hiện đang ở với chị N, vẫn P triển bình thường. Ly hôn, anh Đ, chị N thỏa thuận để chị N tiếp tục nuôi con. Thỏa thuận của anh Đat với chị N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn Đ được ly hôn với chị Sầm Thị N.

2. Về con chung: Giao cho chị Sầm Thị N nuôi con là Nông Hưng P, sinh ngày 28/11/2015. Anh Nông Văn Đ có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002723 ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tống Đ bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân